TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**

Bản án số: 163/2021/HS-ST
Ngày 14-12-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thường Đông.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Dòn.

Bà Nguyễn Thị Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 267/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Bảo S, sinh năm 1993 tại An Giang; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; Chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị L; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Ngày 12/01/2018 bị Tòa án nhân dân huyện P Tân, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số: 02/2018/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/12/2018, chưa chấp hành đóng án phí và các khoản khác của bản án; Tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2020 đến nay;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

2. Trần Thanh P, sinh năm 1992 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 417/22 A, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 02/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn P và bà Trương Thị Kim L; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 06/9/2007 bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản" theo Bản án số 111/HSST. Ngày 22/11/2007 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử Pc thẩm giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm số 111/HSST của Tòa án nhân dân Quận 5 theo Bản án số 601/2007/HSPT. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 09/7/2010, đã thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm, án phí hình sự Pc thẩm vào ngày 24/01/2008.

- Ngày 01/7/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 43/2014/HSST, đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 03/02/2016, đã thi hành xong phần án phí ngày 22/12/2014.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2020 đến nay;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

* *Người tham gia tố tụng khác*:

1. Bị hại: Bà Huỳnh Thị Thu T, S năm 1994 – *vắng mặt.*

Nơi cư trú: Ấp K, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn M, S năm 1970 – *vắng mặt.*

Nơi cư trú: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ ngày 31/12/2020, Trần Thanh P gặp bạn là Nguyễn Bảo S tại tiệm Internet gần Công viên P Lâm, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, P rủ S đi về nhà người quen ở khu vực tỉnh Long An để mua gà, S đồng ý. S điều khiển xe mô tô biển số 92K5 – 1386 chở P đến khu vực Cầu Tràm, huyện Cần Đước, tỉnh Long An nhưng không gặp người bán gà nên cả hai quay về. Khi S điều khiển xe mô tô lưu thông đến trước địa chỉ D17/24A đường Đinh Đức Thiện, ấp 4, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh theo hướng từ tỉnh Long An về Thành phố Hồ Chí Minh thì S phát hiện bà Huỳnh Thị Thu T đang điều khiển xe mô tô lưu thông cùng chiều phía trước, trong túi quần trước bên trái có 01 điện thoại di động nhô ra bên ngoài. Lúc này, S chỉ cho P thấy và rủ P cướp giật điện thoại của T bán lấy tiền tiêu xài, P đồng ý. S điều khiển xe mô tô áp sát bên trái xe mô tô của T để P dùng tay phải giật điện thoại di động của T rồi bỏ vào trong túi đeo chéo trước ngực. Lúc này, S tăng ga điều khiển xe bỏ chạy ra đường Quốc lộ 1, rẽ vào đường Bùi Thanh Khiết, thị trấn Tân Túc hướng về đường Cao tốc thì xe mô tô bị tắt máy nên cả hai xuống xe, đẩy bộ tìm chỗ sửa xe. Khi cả hai đến trước địa chỉ C2/17 đường Bùi Thanh Khiết, khu phố 3, thị trấn Tân Túc thì T điều khiển xe mô tô đuổi kịp theo sau phát hiện S và P nên tri hô và cùng người dân bắt giữ được P, còn S đẩy xe mô tô bỏ chạy một đoạn rồi bỏ lại xe mô tô, chạy bộ về hướng đường dẫn Cao tốc để tẩu thoát. Khi S bỏ chạy đến trước địa

chỉ C2/14 đường Bùi Thanh Khiết, khu phố 3, thị trấn Tân Túc thì bị người dân bắt giữ S cùng vật chứng và phương tiện gây án giao Công an xã Bình Chánh lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, chuyển các đối tượng cùng tang vật đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh điều tra, xử lý.

Quá trình điều tra, Nguyễn Bảo S và Trần Thanh P đã khai nhận toàn bộ hành vi cướp giật tài sản như nội dung nêu trên, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, lời khai của bị hại, nhân chứng và các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án. Ngoài ra, S khai nhận vào tối ngày 30/12/2020, S gặp P và thấy P có đeo 01 túi đeo chéo trước ngực nên S lấy 01 cây roi điện do S nhặt được trước đó đưa cho P cất giữ dùm.

Kết luận định giá tài sản số: 160/KL-HĐĐGTS ngày 20/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Bình Chánh xác định: 01 điện thoại di động hiệu Vivo V11 trị giá 2.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu Vivo V11, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho bà Huỳnh Thị Thu T.

- 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Wave màu xanh, gắn biển số 92K5 – 1386, số máy VTT1P52FMH-140679, số khung VTTDCH0A4TT-178246. Kết quả xác minh, biển số xe trên được cấp cho xe mô tô hiệu Daehan màu nâu do ông Nguyễn M đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc, ông M cho biết mua xe mô tô trên vào năm 2001 tại tiệm vàng Ngọc Sơn, xã Quế Châu, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Năm 2015, ông M cho con là Nguyễn Tấn P làm phương tiện đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, ông M không có yêu cầu gì đối với biển số xe trên;

Kết luận giám định số: 1700/KLGĐ-TT ngày 15/3/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định: "Không đủ cơ sở kết luận biển số xe 92K5-1386 cần giám định ký hiệu A là thật hay giả. Kết luận giám định số: 1730/KLGĐ-X(Đ3) ngày 12/3/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định số khung và số máy trên không đổi. Kết quả tra cứu số khung, số máy nguyên thủy của xe: không xác định được chủ sở hữu. Quá trình điều tra, S khai nhận nguồn gốc xe mô tô trên là do S mua của một người (không rõ lai lịch) với giá 1.000.000 đồng để làm phương tiện đi lại (không có giấy tờ mua bán).

- 01 cây roi điện dài khoảng 15cm. Nguồn gốc roi điện là của S nhặt được và đưa P cất giữ dùm.

Về dân sự: Bà Huỳnh Thị Thu T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường.

Tại Cáo trạng số: 134/CT-VKS ngày 27/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Bảo S, Trần Thanh P về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Bảo S từ 04 đến 05 năm tù về tội "Cướp giật tài sản";

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Thanh P từ 04 đến 05 năm tù về tội "Cướp giật tài sản";

Về vật chứng: tịch thu và tiêu hủy 01 biển số xe 92K5 – 1386, 01 (một) cây roi điện dài khoảng 15cm; tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Wave màu xanh, số máy VTT1P52FMH-140679, số khung VTTDCH0A4TT-178.

Về dân sự: Ghi nhận bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Bảo S, Trần Thanh P khai nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xử phạt giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét thấy lời khai tại phiên tòa của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, vật chứng của vụ án, Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Bảo S, Trần Thanh P đã thực hiện hành vi sử dụng xe mô tô biển số 92K5 – 1386 áp sát xe mô tô của bà Huỳnh Thị Thu T để giật 01 điện thoại di động hiệu Vivo V11 của bà T vào ngày 31/12/2020 tại trước địa chỉ D17/24A ấp 4, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác. Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại, các bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng vì tham lam, vụ lợi, muốn chiếm đoạt tài sản của bị hại để bán lấy tiền tiêu xài nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị 2.000.000 đồng nhưng các bị cáo dùng xe mô tô để cướp giật tài sản, thuộc trường hợp "Dùng thủ đoạn nguy hiểm", là tình tiết định khung tăng nặng đối với các bị cáo được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Nguyễn Bảo S, Trần Thanh P phạm tội "Cướp giật tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Xét về tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn, cả hai bị cáo cùng thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của các bị cáo không chỉ trực tiếp xâm phạm đến tài

sản hợp pháp của bị hại mà còn có thể gây ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của người khác và những người đang tham gia giao thông trên đường.

[5] Xét về nhân thân cả 02 bị cáo đều có nhân thân xấu: Ngày 12/01/2018 bị cáo Nguyễn Bảo S bị Tòa án nhân dân huyện P Tân, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số: 02/2018/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/12/2018, chưa chấp hành đóng án phí và các khoản khác của bản án. Tính đến lần phạm tội này bị cáo S chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội, thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo S được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Đối với bị cáo P: Ngày 06/9/2007 bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản" theo Bản án số 111/HSST. Ngày 22/11/2007 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử Pc thẩm giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm số 111/HSST của Tòa án nhân dân Quận 5 theo Bản án số 601/2007/HSPT. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 09/7/2010, đã thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm, án phí hình sự Pc thẩm vào ngày 24/01/2008 (đã được xóa án tích); Ngày 01/7/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 43/2014/HSST, đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 03/02/2016, đã thi hành xong phần án phí ngày 22/12/2014 (đã được xóa án tích);

Tuy nhiên, các bị cáo vẫn không biết ăn năn hối cải mà lại tiếp tục thực hiện tội phạm. Do đó cần áp dụng hình phạt nghiêm, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong một khoảng thời gian nhất định để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Tuy nhiên, xét thấy tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Vivo V11. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho bị hại Huỳnh Thị Thu T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- 01 biển số xe 92K5 – 1386, qua xác minh, biển số xe trên được cấp cho xe mô tô hiệu Daehan màu nâu do ông Nguyễn M đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc, ông M cho biết mua xe mô tô trên vào năm 2001 tại tiệm vàng Ngọc Sơn, xã Quế Châu, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Năm 2015, ông M cho con là Nguyễn Tấn Phước làm phương tiện đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, ông M không có yêu cầu gì đối với biển số xe trên; Kết luận giám định số: 1700/KLGĐ-TT ngày 15/3/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định: "Không đủ cơ sở kết luận biển số xe 92K5-1386 cần giám định ký hiệu A là thật hay giả. Xét thấy, biển số xe 92K5 – 1386 hiện không có giá trị

sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 của Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với 01 xe mô tô kiểu dáng Wave màu xanh có số máy VTT1P52FMH-140679, số khung VTTDCH0A4TT-178246, Kết luận giám định số: 1730/KLGĐ-X(Đ3) ngày 12/3/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định số khung và số máy trên không đổi. Kết quả tra cứu số khung, số máy nguyên thủy của xe không xác định được chủ sở hữu. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo S khai nhận nguồn gốc xe mô tô trên là do bị cáo S mua của một người (không rõ lai lịch) với giá 1.000.000 đồng để làm phương tiện đi lại. Xét đây là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 (một) cây roi điện dài khoảng 15cm hiện không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Về dân sự: Bị hại Huỳnh Thị Thu T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về tội danh, khung hình phạt đối với các bị cáo cũng như xử lý vật chứng vụ án và dân sự. Hội đồng xét xử xét cũng chấp nhận đề nghị của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[11] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171, điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Bảo S;

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171, điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Thanh P;

Căn cứ vào điểm a, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bảo S 04 (bốn) năm tù về tội "Cướp giật tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/12/2020.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh P 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù về tội "Cướp giật tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/12/2020.

Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) biển số xe 92K5 – 1386, 01 (một) cây roi điện dài khoảng 15cm.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô kiểu dáng Wave màu xanh có số máy VTT1P52FMH-140679, số khung VTTDCH0A4TT-178246.

(các vật chứng trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh đang tạm giữ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 15/10/2021 giữa Công an huyện Bình Chánh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh)

Ghi nhận việc bị hại Huỳnh Thị Thu T không có yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TPHCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh (2);
- Công an huyện Bình Chánh (1);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an TPHCM (1);
- Sở tư pháp TPHCM (1);
- Trại tạm giam T30 (1);
- Bị cáo (2);
- Bị hại; Đương sự (2);
- Lưu hs (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thường Đông

2 000004 112202